

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện mô hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phi địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 992/TTr-VPUBND ngày 20 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính thuộc phạm vi thí điểm Kế hoạch triển khai thực hiện mô hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính phi địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 2. Phân công nhiệm vụ

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan

a) Căn cứ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết theo Điều 1 Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục

hành chính được tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Thời gian hoàn thành trước ngày 05/12/2024.

b) Xây dựng bộ hồ sơ mẫu hướng dẫn cách thức tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính gửi các địa phương, đảm bảo gắn với việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời đẩy mạnh việc tuyên truyền và thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định. Thời gian hoàn thành trước ngày 10/12/2024.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan và VNPT Bình Định thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt. Thời gian hoàn thành trước ngày 15/11/2024.

3. Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn và huyện Hoài Ân trên cơ sở hướng dẫn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bureau điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT TH-CB, P. HC-TC;
- Lưu: VT, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 09 TTHC THỰC HIỆN MÔ HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC 06 TTHC CẤP TỈNH (TIẾP NHẬN HỒ SƠ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH VÀ BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN, THỊ XÃ HOÀI NHƠN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN VÀ HUYỆN HOÀI AN)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số TTHC					
I. Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý và trách nhiệm thực hiện của Sở Giao thông vận tải						
Thủ tục hành chính công bố theo tại Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải						
Lĩnh vực Đường bộ						
1.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp 1.002809.000.00.00.H08	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP. Quy Nhơn - Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	- Lệ phí cấp giấy phép lái xe đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần. (Nộp tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ)
II. Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng						
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng						
Lĩnh vực Hoạt động xây dựng						
2.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III.	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, Tp. Quy Nhơn	Có	Toàn trình	Lệ phí mức thu: 300.000 đồng/chứng chỉ. (Nộp tại thời điểm

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số TTHC					
	(1.009982.000.00.00.H08)		- Bộ phận Một cửa cấp xã			nhận kết quả)
3.	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III. (1.009983.000.00.00.H08)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc kể từ ngày có kết quả sát hạch đạt yêu cầu.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, Tp. Quy Nhơn - Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	Lệ phí mức thu: 300.000 đồng/chứng chỉ. (Nộp tại thời điểm nhận kết quả)
4.	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III. (1.009928.000.00.00.H08)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, Tp. Quy Nhơn - Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	Lệ phí mức thu: 150.000 đồng/chứng chỉ. (Nộp tại thời điểm nhận kết quả)

III. Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 1235/QĐ-BTP ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Lĩnh vực Lý lịch tư pháp

5.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam 2.000488.000.00.00.H08	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, Tp. Quy Nhơn - Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	+ Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người. + Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ,
----	--	--	---	----	------------	---

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số TTHC					
		thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.				vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người. + Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 03 trở đi cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (thực hiện đến hết ngày 30/9/2024 theo khoản 2 Điều 3 Thông tư số 06/2024/TT-BTP

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số TTHC					
						<p>ngày 19/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)</p> <p>+ Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo và Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p> <p>(Thu tại thời điểm nộp hồ sơ)</p>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số TTHC					
IV. Thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương						
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương						
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước						
6.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu 2.000648.000.00.00.H08	17 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn - Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	Phí thẩm định: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định) - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở các khu vực khác: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) (Thanh toán phí tại thời điểm nhận kết quả)

II. DANH MỤC 03 TTHC CẤP HUYỆN (TIẾP NHẬN HỒ SƠ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN VÀ BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ THUỘC THỊ XÃ AN NHƠN, THỊ XÃ HOÀI NHƠN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN VÀ HUYỆN HOÀI AN)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					

I. TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					
TTHC công bố theo Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường						
Lĩnh vực Đất đai						
1.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất 1.012814.H08	- Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; không quá 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).	- Bộ phận một cửa UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư); - Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	1. Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận (nếu có): theo quy định tại Điều 5 Quy định ban hành kèm Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh và được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh. 2. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có): Theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021; được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					
		<p>- Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia</p>				<p>Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 75/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh.</p> <p>(Thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tại thời điểm tiếp nhận kết quả)</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					
		<p>thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p>				

II. TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					
TTHC công bố theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng						
Lĩnh vực Hoạt động xây dựng						
2	<p>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.</p> <p>1.009994.000.00.00.H08</p>	<p>10 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận Một cửa cấp huyện - Bộ phận Một cửa cấp xã</p>	Có	Một phần	<p>Lệ phí cấp Giấy phép:</p> <p>a) Nhà ở riêng lẻ trong đô thị: - Nộp hồ sơ trực tiếp: 70.000 đồng/giấy phép; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 35.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b) Nhà ở riêng lẻ ngoài đô thị (nông thôn): - Nộp hồ sơ trực tiếp: 50.000 đồng/giấy phép; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 25.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c) Công trình khác: - Nộp hồ sơ trực tiếp: 120.000 đồng/giấy phép; - Nộp hồ sơ trực tuyến: 60.000</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					
						đồng/giấy phép. (Quy định tại khoản 4 Điều 20 Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND) (Nộp tại thời điểm nhận kết quả)
III. TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương						
TTHC công bố theo Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương						
Lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước (01 TTHC)						
3.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai 2.001283.000.00.00.H08	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận Một cửa cấp huyện - Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	* Từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Tại thị xã, thành phố: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					
						<p>+ Tại huyện: 300.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:</p> <p>+ Tại thị xã, thành phố: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>+ Tại huyện: 100.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>* Từ ngày 01/01/2025 trở đi mức thu phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <p>- Đối với tổ chức,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVCTT	Phí, lệ phí (nếu có)
	Mã số					
						<p><i>doanh nghiệp:</i></p> <p>+ Tại thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>+ Tại huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>- <i>Đối với hộ kinh doanh, cá nhân:</i></p> <p>+ Tại thị xã, thành phố: 400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>+ Tại huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</p> <p>Nộp phí tại thời điểm nộp hồ sơ</p>